

Triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2015, định hướng 2016 - 2020

HÀ ĐOÀN

Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 732/2011/QĐ-TTg ngày 17/5/2011. Triển khai thực hiện Chiến lược, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2162/QĐ-BTC ngày 08/9/2011 về “Kế hoạch cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2015 và các đề án triển khai thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020”, qua 5 năm triển khai, những sửa đổi, bổ sung chính sách thuế đã góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, duy trì tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, đảm bảo an sinh xã hội. Nhờ vậy, trong giai đoạn này, mặc dù kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, sản xuất trong nước khó khăn, lạm phát tăng cao song Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) hợp lý, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo chiều hướng tích cực.

Kết quả thực hiện cải cách hệ thống chính sách thuế

Trong bối cảnh suy giảm kinh tế toàn cầu, kinh tế phục hồi tăng trưởng chậm, nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch Đảng, Quốc hội giao rất nặng nề, năm sau cao hơn năm trước, ngành Thuế đã quyết liệt phấn đấu và hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước (NSNN) được giao cũng như mục tiêu đề ra trong Kế hoạch cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2015. So với giai đoạn 2006 - 2010, quy mô thu cân đối NSNN và số thu thuế, phí 5 năm (2011 - 2015) đã tăng khoảng 2 lần; tỷ lệ huy động bình quân đạt 23,4% GDP (mục tiêu 23 - 24% GDP), trong đó tỷ lệ huy động từ thuế, phí đạt 21,6% GDP (mục tiêu 22 - 23%). Cơ cấu thu NSNN chuyển biến tích cực, thu nội địa chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng thu NSNN, tăng từ 58,9% giai đoạn 2006 - 2010 lên 67,8% giai đoạn 2011 - 2015; riêng năm 2015 đạt 74,2% (mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 là 70%), cơ bản đảm bảo theo đúng định hướng chiến lược cải cách hệ thống thuế



là tăng dần tỷ trọng từ nguồn thu trong nước để bù đắp thuế xuất nhập khẩu giảm do tham gia hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và sự sụt giảm của giá dầu.

Các chính sách thuế được bổ sung, sửa đổi theo hướng tháo gỡ những bất cập phát sinh trong thực tiễn để từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo đột phá trong cải cách hành chính nhằm đơn giản hóa về thủ tục, giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho người nộp thuế. Trong đó thuế giá trị gia tăng (GTGT) đặc biệt tập trung tạo thuận lợi cho nhóm

người nộp thuế có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, đồng thời đưa ra các giải pháp giảm thuế GTGT nhằm hỗ trợ người có thu nhập thấp mua nhà ở và tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) cũng được quy định với các mức thuế suất tương đồng và xấp xỉ bằng với các nước trong khu vực; sửa đổi đối tượng ưu đãi theo dự án đầu tư nhằm phù hợp với thực tiễn và đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư... Bên cạnh đó, chính sách thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã đơn giản hóa

việc thu thuế đối với cá nhân kinh doanh theo tỷ lệ trên doanh thu đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất - kinh doanh; áp dụng một mức thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản và chuyển nhượng chứng khoán; nâng mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế và người phụ thuộc, bổ sung nhóm đối tượng không phải thực hiện quyết toán thuế TNCN.

Đồng thời, thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) không áp dụng đối với naphtha (bao gồm cả condensate), chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác để pha chế xăng, nhằm mục đích vừa tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp, vừa giảm các thủ tục hành chính trong việc kê khai, nộp thuế. Tuy nhiên, lại tăng thuế đối với mặt hàng thuốc lá, rượu, bia, kinh doanh casino; giảm thuế đối với mặt hàng xăng sinh học; sửa đổi, bổ sung quy định về giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa, dịch vụ là giá bán ra, giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế TTĐB, thuế bảo vệ môi trường và thuế GTGT.

Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã tạo lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ trong việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, thực hiện vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế và góp phần hạn chế xuất khẩu tài nguyên khoáng sản dạng thô, khuyến khích đầu tư công nghệ, gia tăng giá trị sản phẩm chế biến sâu, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam thực hiện đầy đủ, đúng lộ trình và có trách nhiệm các cam kết cắt giảm thuế quan nhưng vẫn đảm bảo với mức độ bảo hộ hợp lý.

Sau 3 năm triển khai thực hiện, Luật thuế bảo vệ môi trường cơ bản đã góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của

toàn xã hội, làm thay đổi hành vi của tổ chức, cá nhân; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong đầu tư, sản xuất và tiêu dùng của các tổ chức, cá nhân; khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; giảm bớt các tác động tiêu cực của sản xuất, tiêu dùng đến môi trường; giảm thiểu ô nhiễm, suy thoái về môi trường và tạo thêm nguồn thu cho hoạt động khôi phục môi trường.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với đất đai, khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, góp phần hạn chế đầu cơ về đất và khuyến khích thị trường bất động sản phát triển lành mạnh; khắc phục những mặt hạn chế của chính sách thuế nhà, đất, nâng cao tính pháp lý của pháp luật về thuế đất trên cơ sở bổ sung mới và kế thừa các quy định còn phù hợp; tiếp cận với thông lệ quốc tế về thuế đất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hội nhập quốc tế; động viên hợp lý sự đóng góp của người sử dụng đất, nhất là những đối tượng sử dụng đất vượt hạn mức quy định và có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở vào ngân sách. Trong khi đó, thuế sử dụng đất nông nghiệp bảo đảm bình đẳng trong việc điều tiết thu nhập; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra, đối với các nguồn thu từ đất, chính sách thu đã từng bước được thể chế hóa theo nguyên tắc thị trường, minh bạch, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, thu hẹp sự phân biệt giữa tổ chức trong nước và tổ chức ngoài nước, khuyến khích việc khai thác và sử dụng tài nguyên đất đai tiết kiệm, có hiệu quả, góp phần hạn chế đầu cơ và

việc sử dụng lãng phí đất đai, khuyến khích thị trường bất động sản phát triển lành mạnh. Luật phí, lệ phí có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 đã khắc phục những tồn tại của Pháp lệnh phí, lệ phí trước đây, tạo ra một khung pháp lý hoàn chỉnh hơn, đồng bộ và thuận lợi trong quản lý thu, nộp và sử dụng phí và lệ phí.

Trong giai đoạn này, Luật Thuế tài nguyên cũng đã sửa đổi, bổ sung một số quy định (như thu thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên, giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên khai thác không tiêu thụ trong nước mà xuất khẩu...) và ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên mới theo hướng tăng mức thuế suất thuế tài nguyên đối với một số nhóm tài nguyên, nâng cao hiệu quả của chính sách thuế tài nguyên, khuyến khích địa phương tăng cường công tác quản lý và thu thuế tài nguyên, hạn chế hoạt động khai thác tràn lan, khai thác không phép.

Một số hạn chế, tồn tại

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đã đạt được, công tác cải cách chính sách thuế giai đoạn 2011 - 2015 còn một số tồn tại, hạn chế. Thuế GTGT chưa thực hiện việc nghiên cứu để giảm bớt nhóm hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất 5% mà mới chỉ tập trung rà soát, tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong thực tiễn... Thuế tiêu thụ đặc biệt chưa nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và thuế suất tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế. Một số quy định trong Luật Thuế xuất nhập khẩu không còn phù hợp với những nội dung cam kết trong một số hiệp định thương mại tự do (FTA) hoặc chưa đáp ứng yêu cầu của tình

hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn tới để thực hiện mục tiêu cải cách hành chính, giảm vướng mắc cho thực hiện, nâng cao tính pháp lý của các quy định về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Thuế TNDN có một số điểm không còn phù hợp với các mô hình kinh doanh thương mại điện tử khiến cho cơ quan thuế và người nộp thuế còn lúng túng trong thực thi. Bên cạnh đó, việc trình Quốc hội sửa đổi bổ sung Luật Thuế TNDN liên quan đến hiện tượng vốn mỏng (giới hạn chi phí lãi vay trong tính thuế TNDN) gặp nhiều cản trở từ xã hội và dư luận do còn thiếu cơ sở, căn cứ khoa học.

Chính sách và công tác quản lý thuế được điều chỉnh theo hướng đơn giản, đồng bộ

Chính sách thuế cần tiếp tục được sửa đổi, bổ sung và tái cơ cấu hệ thống theo hướng đơn giản, đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế; thực hiện mức động viên hợp lý từ thuế, phí và lệ phí vào ngân sách nhà nước, mở rộng cơ sở thuế để phát triển nguồn thu, bao quát các nguồn thu mới phát sinh và cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng thu nội địa (không kể thu từ dầu thô) trong tổng thu ngân sách nhà nước đến năm 2020 đạt trên 80%, tỷ lệ huy động thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 20 - 21% GDP, tỷ lệ động viên từ thuế, phí và lệ phí khoảng 19 - 20% GDP, tốc độ tăng trưởng số thu thuế, phí và lệ phí bình quân hàng năm từ 16 - 18%/năm.

Về công tác quản lý thuế, tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý thuế nhằm thực hiện đơn giản hoá thủ tục hành chính, phấn đấu

đến năm 2020 là một trong bốn nước đứng đầu khu vực Đông Nam Á được xếp hạng có mức độ thuận lợi về thuế. Tái thiết kế quy trình nghiệp vụ quản lý thuế trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo thống nhất, có tính liên kết cao. Kiện toàn tổ chức bộ máy hiện đại, hiệu lực, hiệu quả phù hợp với yêu cầu thực thi nhiệm vụ của cơ quan thuế; cơ cấu nguồn nhân lực phù hợp với nhiệm vụ quản lý, đội ngũ cán bộ công chức chuyên nghiệp, chuyên sâu, liêm chính; tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi công cụ của cán bộ công chức thuế; áp dụng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế phù hợp với từng nhóm người nộp thuế; xây dựng, triển khai đa dạng các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế thực hiện thủ tục hành chính thuế; chú trọng cung cấp các dịch vụ thuế điện tử cho người nộp thuế. Xây dựng và áp dụng phương pháp quản lý rủi ro đối với các nghiệp vụ quản lý thuế (gồm đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, nợ thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, hoàn thuế... Xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế đầy đủ, chính xác, tập trung thống nhất trên phạm vi cả nước; phát triển ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ các hoạt động quản lý thuế đảm bảo tính liên kết, tự động hóa cao, gắn chặt với quá trình cải cách thủ tục hành chính thuế và áp dụng thuế điện tử. Nghiên cứu, áp dụng các phương pháp dự báo thu hiện đại, tiên tiến trên thế giới để nâng cao chất lượng công tác phân tích, dự báo thu ngân sách. Hoàn thiện bộ tiêu chí và áp dụng phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực thuế đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế ■

TIN TRONG NƯỚC

Việt Nam vay nợ nước ngoài thêm 4,4 tỷ USD trong 7 tháng

Theo Bộ Tài chính, trong tháng 7/2016, Việt Nam đã ký kết 4 hiệp định vay nước ngoài với Ngân hàng thế giới (WB) có tổng giá trị là 669 triệu USD. Lũy kế 7 tháng đầu năm đã đàm phán, ký kết 26 hiệp định vay với tổng giá trị quy đổi khoảng 4.431 triệu USD, trong đó chủ yếu vay từ các nhà tài trợ lớn như WB, Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và Chính phủ Nhật Bản. Trị giá giải ngân vốn vay nước ngoài trong tháng 7/2016 đạt khoảng 3.274 tỷ đồng (150 triệu USD). Lũy kế từ đầu năm đến ngày 25/7/2016, đã giải ngân khoảng 44.054 tỷ đồng (2.014 triệu USD), đạt 42,85% so với kế hoạch cả năm (4.700 triệu USD).

Nhập khẩu ô tô nguyên chiếc giảm cả về lượng và giá trị

Theo Tổng cục Hải quan, tính chung 7 tháng đầu năm, lượng ô tô nguyên chiếc nhập khẩu là 60.602 chiếc, trị giá gần 1,42 tỷ USD, giảm 5,9% về lượng và giảm 17,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2015. Trị giá ô tô nhập khẩu giảm mạnh hơn so với lượng do tác động của chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt mới khuyến khích các nhà nhập khẩu đẩy mạnh nhập các dòng xe dung tích nhỏ.

Nợ xấu giảm, huy động vốn tăng nhanh

Theo Ngân hàng Nhà nước, tính đến ngày 29/7/2016, tổng phương tiện thanh toán tăng 9,45% so với cuối năm 2015; huy động vốn tăng 9,94% so với cùng kỳ năm 2015 (trong đó huy động bằng VND tăng 12,28%; bằng ngoại tệ giảm 6,25%); tín dụng nền kinh tế tăng 8,54%. Tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống tính đến cuối tháng 6/2016 là 2,58%, giảm so với mức 2,78% vào tháng 5/2016. Tổng các khoản nợ xấu được xử lý trong 6 tháng đầu năm 2016 đạt 59,71 nghìn tỷ đồng (giảm 14,55% so với cùng kỳ năm 2015). Trong đó, bán nợ cho VAMC 8,88 nghìn tỷ đồng, khách hàng trả nợ 30,98 nghìn tỷ đồng, sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu 7,24 nghìn tỷ đồng ■